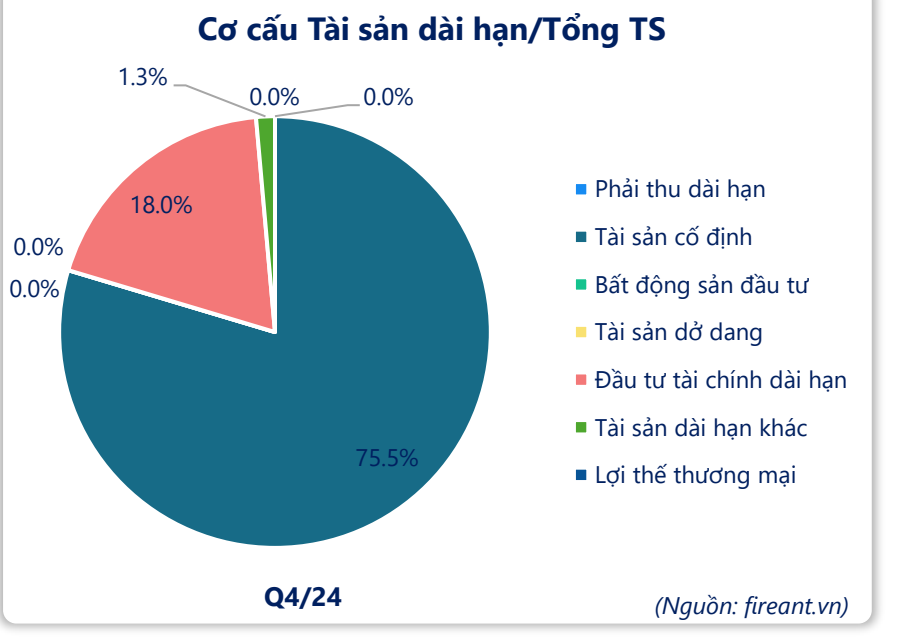
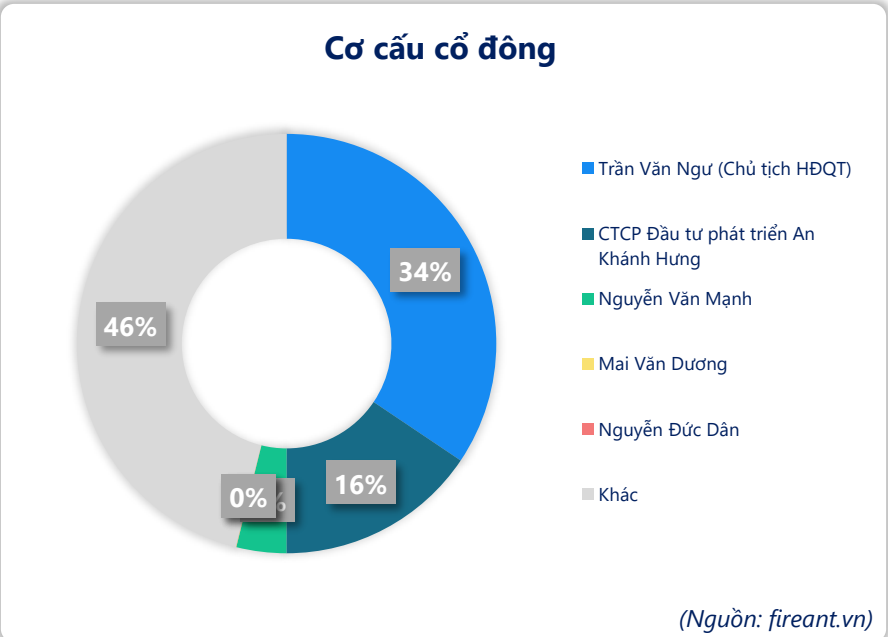
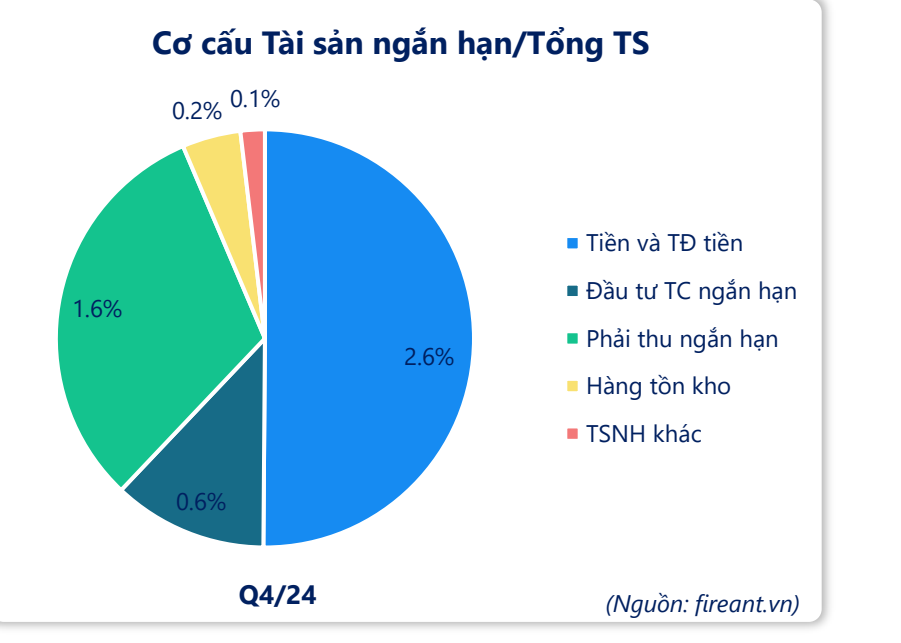
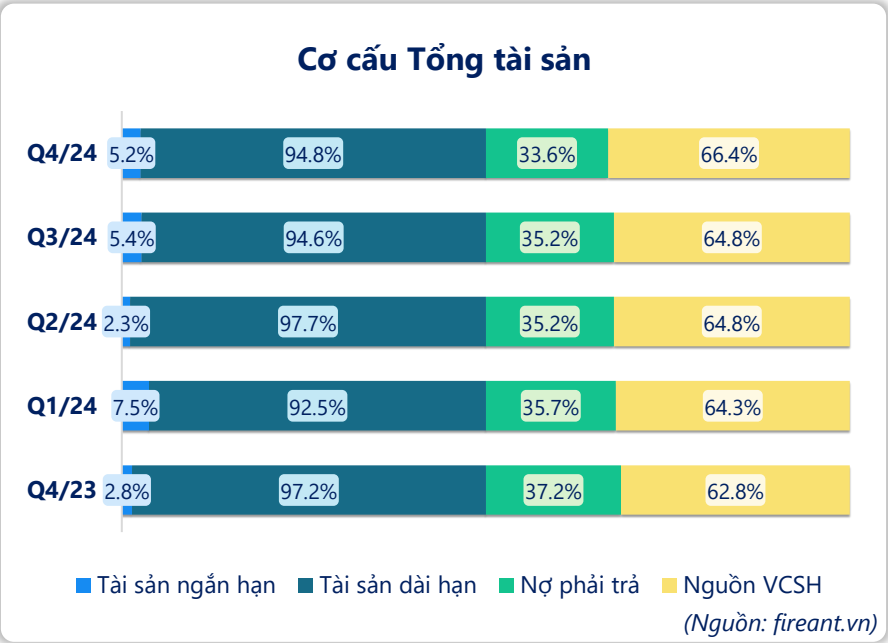
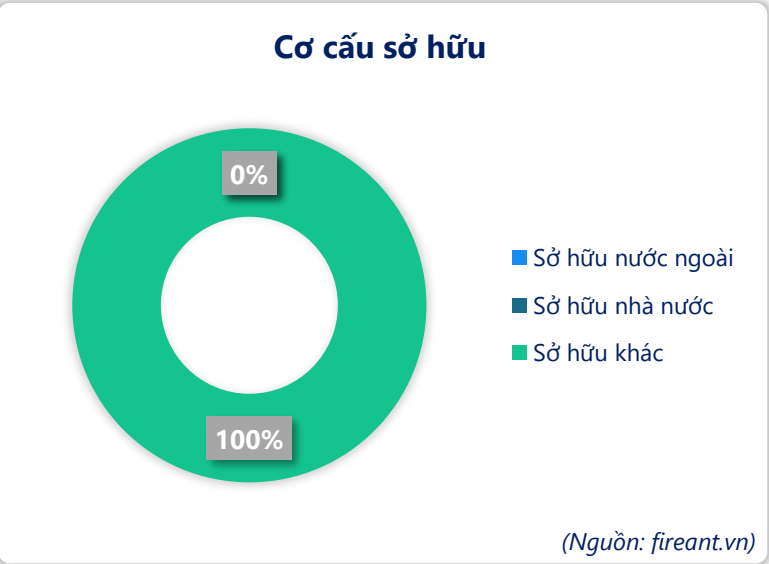
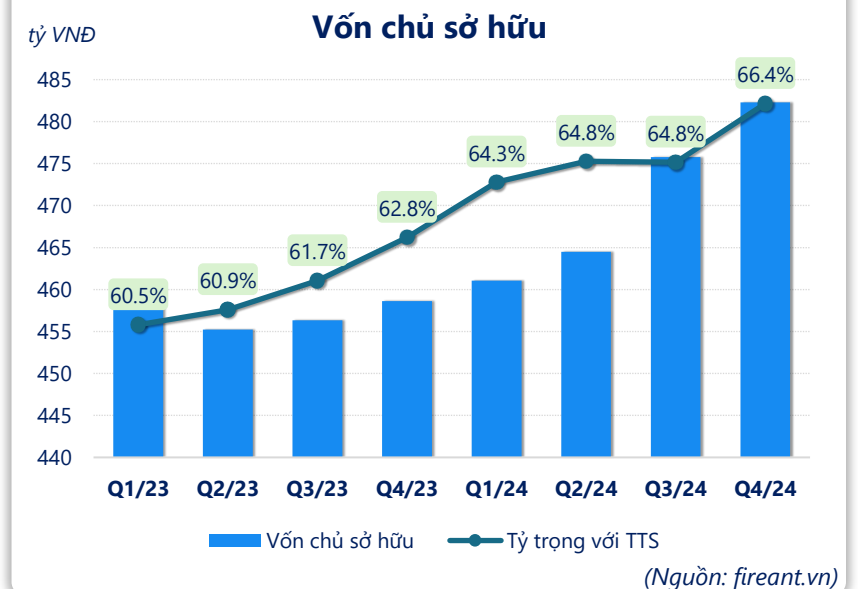
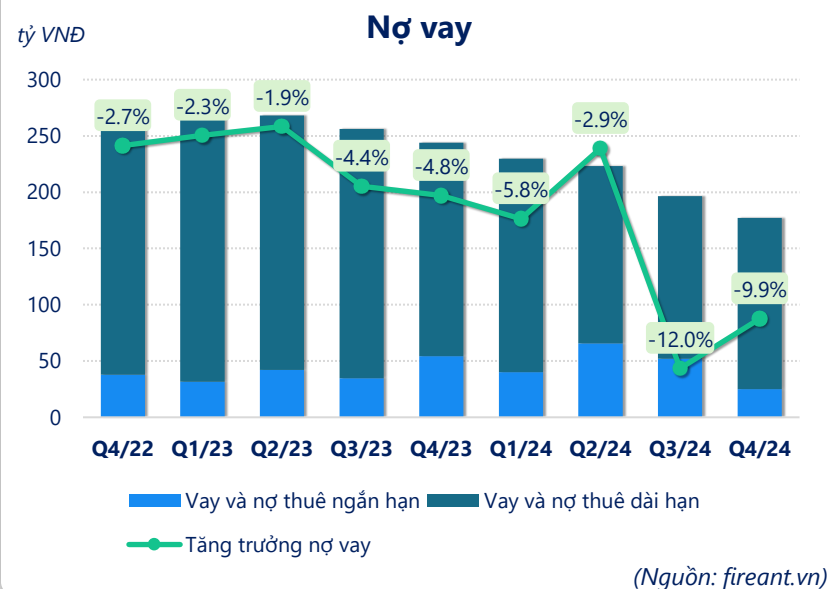
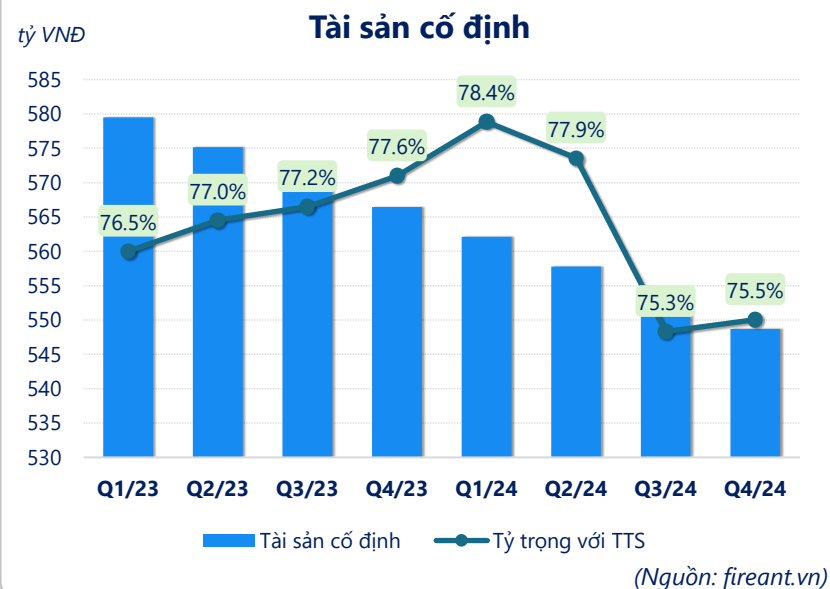
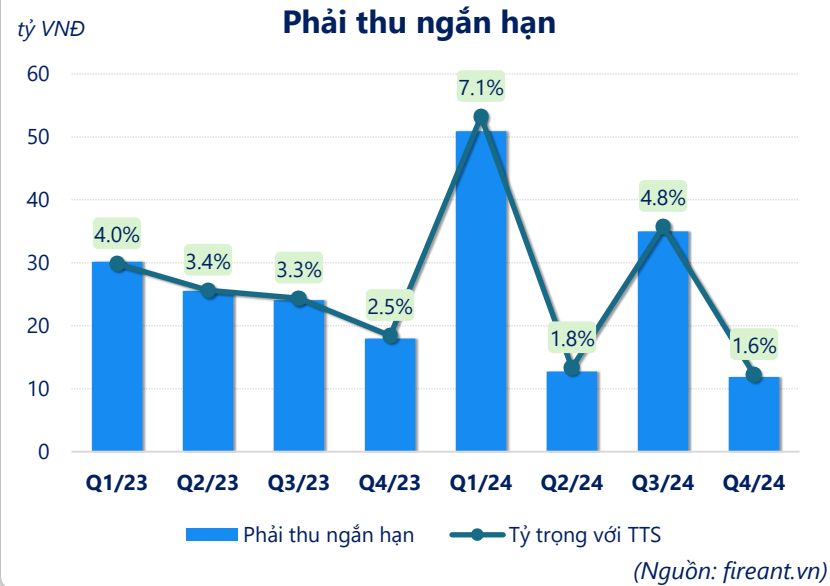
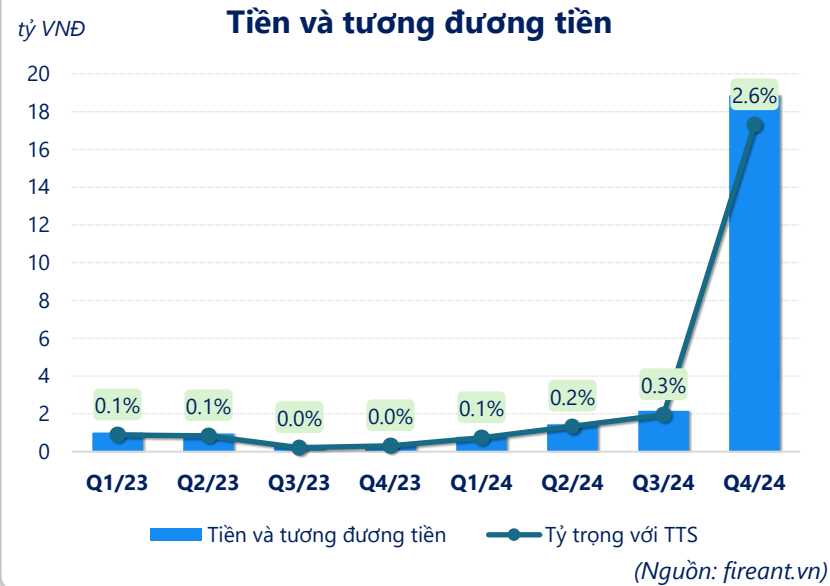
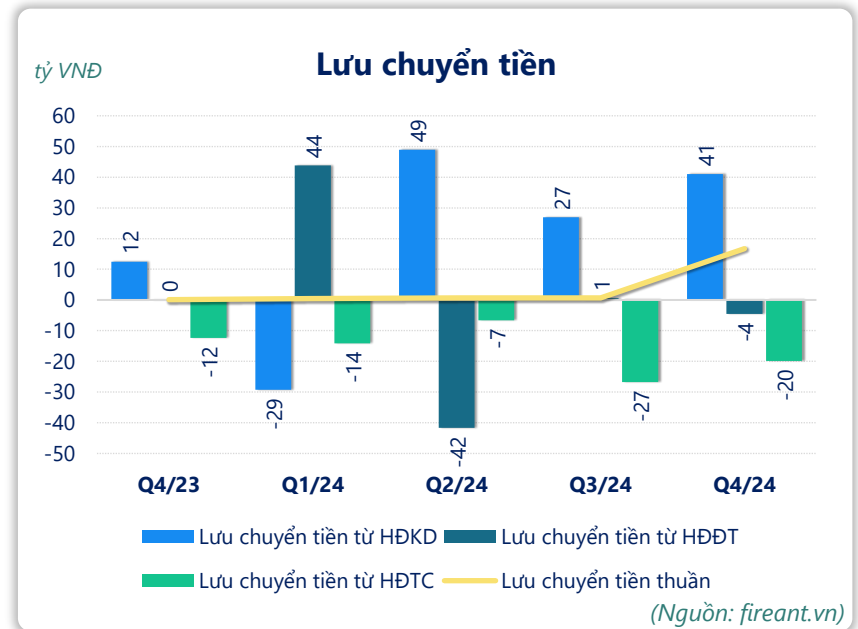
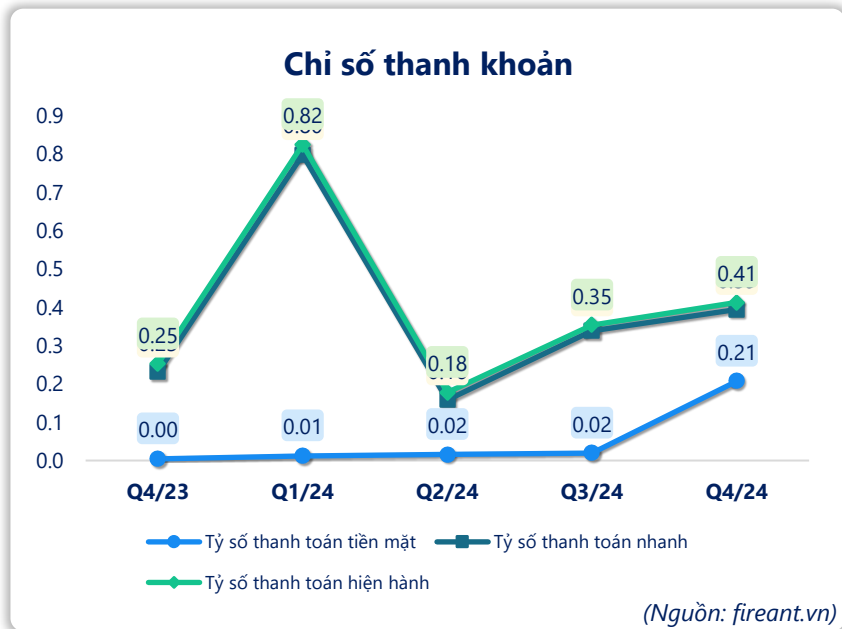
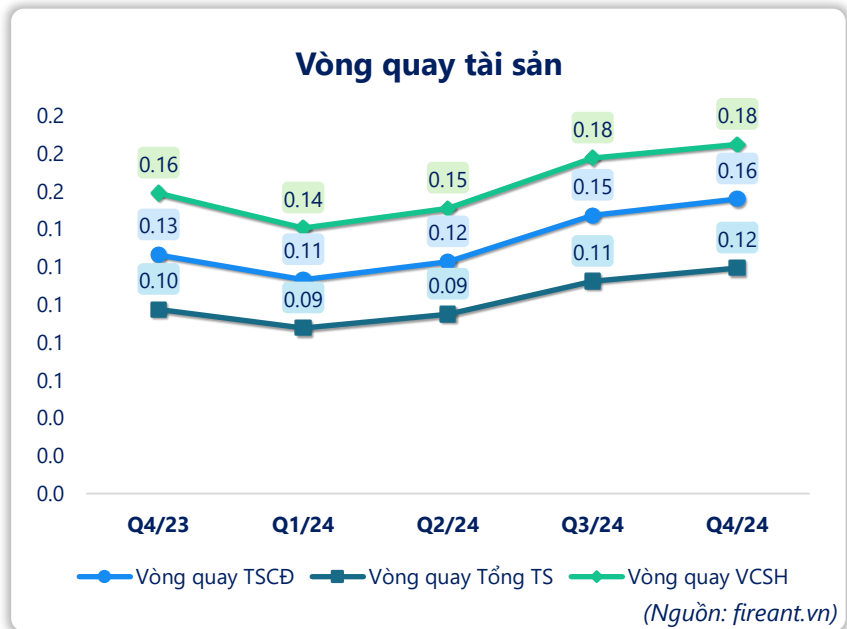
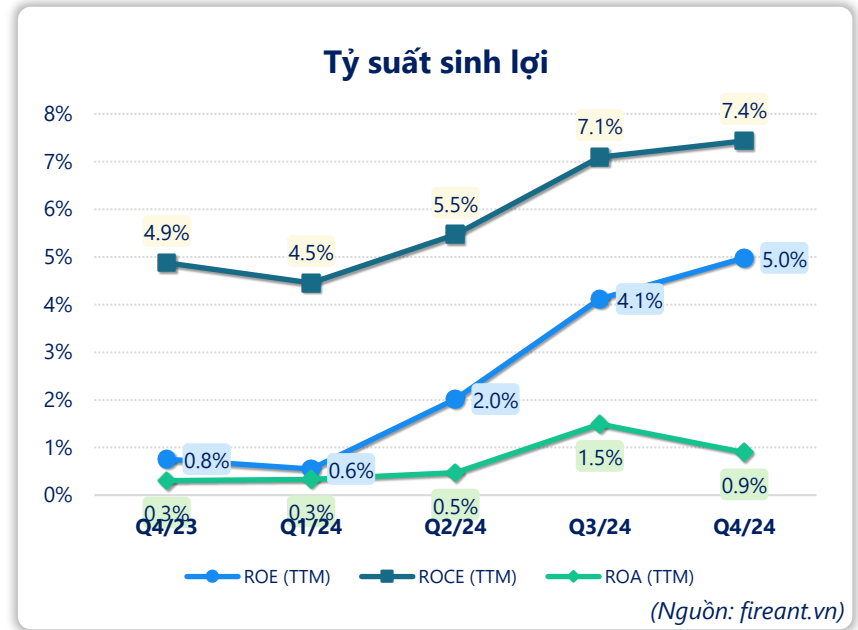
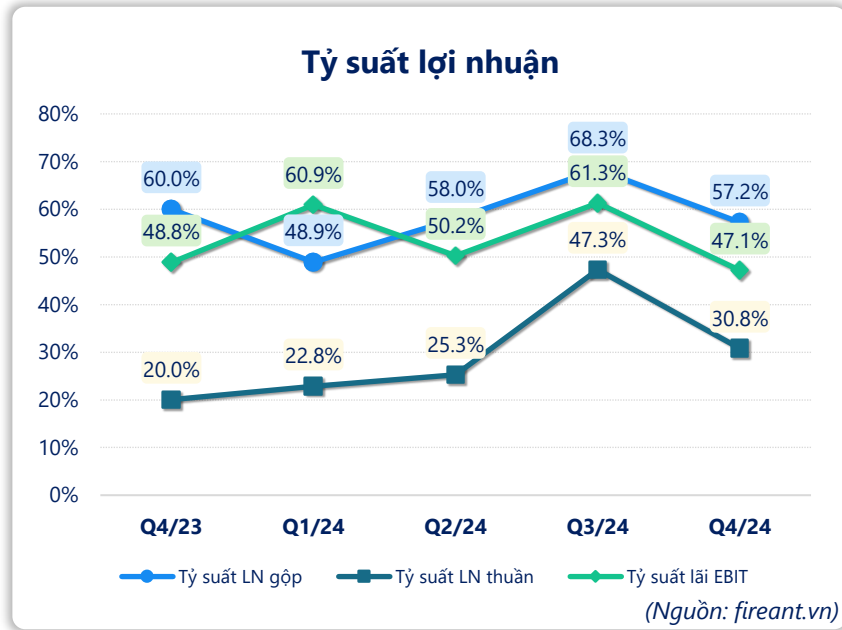
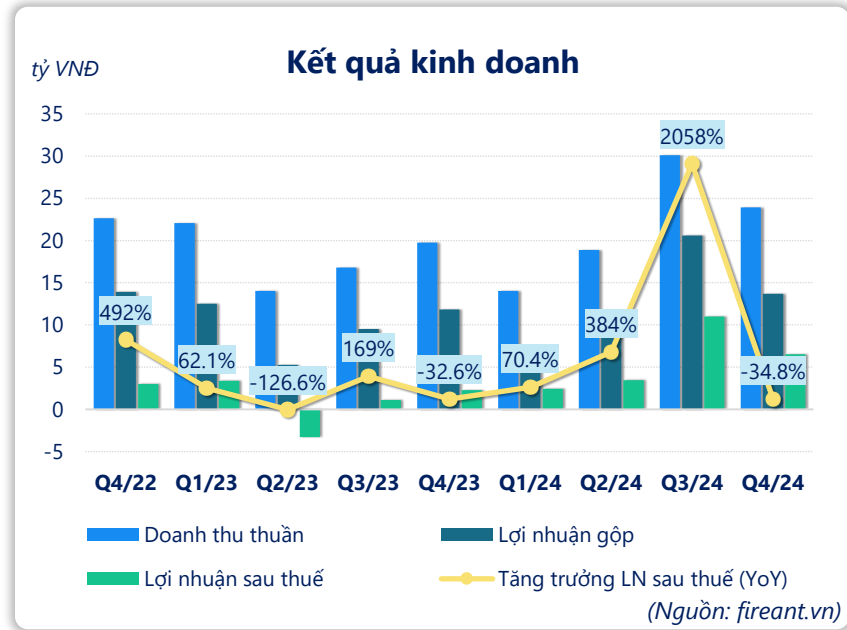


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		7,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,700
SL cổ phiếu LH		40,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		58,145
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		284
P/E		12.1
EPS		578

	YTD	1T	3T	6T
NED		-4.1%	2.9%	-2.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	727	730	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	37.6	20.3	85.6%
Tiền và tương đương tiền	18.9	0.34	5388%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.50	0	
Phải thu ngắn hạn	11.9	18.0	-33.9%
Hàng tồn kho	1.71	1.72	-1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.71	0.26	168%
Tài sản dài hạn	689	710	-2.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	549	566	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	131	130	0.5%
Tài sản dài hạn khác	9.68	13.2	-26.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	244	271	-9.9%
Nợ ngắn hạn	91.2	80.5	13.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.9	54.3	-54.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.43	10.7	-30.6%
Nợ dài hạn	153	191	-19.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	152	190	-19.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	482	459	5.2%
Vốn chủ sở hữu	482	459	5.2%
Vốn điều lệ	405	405	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	19.7	14.0	18.9	30.1	23.9
Giá vốn hàng bán	7.90	7.18	7.93	9.53	10.2
Lợi nhuận gộp	11.9	6.87	10.9	20.6	13.7
Doanh thu HĐTC	0.00	2.78	0.00	0.01	0.00
Chi phí TC	6.07	5.31	5.01	4.58	3.93
Chi phí lãi vay	6.03	5.31	5.01	4.58	3.93
LN trong công ty LKLD	0	0	0.02	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.83	1.13	1.18	1.76	2.41
LN thuần từ HĐKD	3.96	3.21	4.77	14.2	7.36
Lợi nhuận khác	-0.34	0.04	-0.30	-0.37	-0.01
LN trước thuế	3.62	3.25	4.47	13.9	7.35
Lợi nhuận sau thuế	2.28	2.44	3.46	11.0	6.52
LNST của CĐ cty mẹ	2.28	2.44	3.46	11.0	6.52

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.5	-29.2	48.9	26.9	41.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	43.8	-41.6	0.55	-4.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.4	-14.1	-6.61	-26.7	-19.8
Tiền đầu kỳ	0.24	0.34	0.79	1.45	2.15
Lưu chuyển tiền thuần	0.11	0.45	0.65	0.71	16.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.34	0.79	1.45	2.15	18.9

(Nguồn: fireant.vn)